

Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

Mã đề: 201

Câu 81: Trong một hệ sinh thái, nhóm sinh vật nào sau đây được xếp vào sinh vật sản xuất?

- A. Sinh vật phân giải. B. Động vật bậc cao.
C. Thực vật. D. Động vật bậc thấp.

Câu 82: Ở sinh vật nhân thực, codon nào sau đây quy định tín hiệu kết thúc quá trình dịch mã?

- A. 5'AUA3'. B. 3'AAU5'. C. 5'AUG3'. D. 3'UAA5'.

Câu 83: Ở sinh vật nhân thực, nhiễm sắc thể được cấu tạo bởi hai thành phần chủ yếu là

- A. ADN và tARN. B. ARN và prôtêin histôn.
C. ADN và prôtêin histôn. D. ADN và mARN.

Câu 84: Động vật nào sau đây vừa có tiêu hóa nội bào vừa có tiêu hóa ngoại bào?

- A. Rắn. B. Gà. C. Trùng đế giày. D. Thủy tức.

Câu 85: Ở ven biển Peru, cứ 10 đến 12 năm có một dòng hải lưu Nino chảy qua làm tăng nhiệt độ, tăng nồng độ muối dẫn tới gây chết các sinh vật phù du gây ra biến động số lượng cá thể của các quần thể. Đây là kiểu biến động

- A. theo chu kì tuần trăng. B. không theo chu kì.
C. theo chu kì nhiều năm. D. theo chu kì mùa.

Câu 86: Trình tự nuclêôtit trong ADN có tác dụng bảo vệ và làm các nhiễm sắc thể không dính vào nhau nằm ở

- A. tâm động. B. điểm khởi đầu nhân đôi.
C. eo thứ cấp. D. hai đầu mút nhiễm sắc thể.

Câu 87: Cánh dơi tương đồng với cơ quan nào sau đây?

- A. Chân dế đũi. B. Cánh bướm. C. Tay người. D. Chân vịt.

Câu 88: Hình vẽ dưới đây mô tả một dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.



Đột biến trên thuộc dạng

- A. chuyển đoạn. B. mất đoạn. C. lặp đoạn. D. đảo đoạn.

Câu 89: Ba loài ếch: *Rana pipiens*, *Rana clamitans* và *Rana sylvatica* cùng sinh sống trong một ao.

Chúng bao giờ cũng bắt cặp giao phối đúng với các cá thể cùng loài vì các loài ếch này có tiếng kêu khác nhau. Đây là ví dụ về kiểu cách li nào?

- A. Cách li thời gian. B. Cách li sinh thái. C. Cách li sau hợp tử. D. Cách li tập tính.

Câu 90: Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, phương thức hình thành loài mới nào sau đây diễn ra chủ yếu ở thực vật?

- A. Hình thành loài bằng cách li tập tính. B. Hình thành loài bằng lai xa kèm đa bội hóa.
C. Hình thành loài bằng cách li sinh thái. D. Hình thành loài bằng cách li địa lí.

Câu 91: Trong mô hình cấu trúc của opêron Lac ở vi khuẩn *E.coli*, nơi prôtêin ức chế có thể liên kết làm ngăn cản sự phiên mã là

- A. gen cấu trúc Z. B. vùng vận hành. C. gen điều hòa. D. vùng khởi động.

Câu 92: Kết quả lai thuận - nghịch khác nhau và con sinh ra luôn có kiểu hình giống mẹ thì gen quy định tính trạng đó

- A. nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X. B. nằm ở ngoài nhân.
C. nằm trên nhiễm sắc thể thường. D. nằm trên nhiễm sắc thể giới tính Y.

Câu 93: Trong các nhân tố tiến hóa sau, nhân tố nào làm thay đổi tần số alen chậm nhất?

- A. Đột biến. B. Di – nhập gen.
C. Giao phối không ngẫu nhiên. D. Các yếu tố ngẫu nhiên.

Câu 94: Một gen chi phối nhiều tính trạng được gọi là

- A. gen trội. B. gen tăng cường. C. gen đa hiệu. D. gen điều hòa.

Câu 95: Ở thực vật, nước chủ yếu được thoát ra ngoài qua bộ phận nào của lá?

- A. Bề mặt lá. B. Mô dậu. C. Mạch gỗ. D. Khí khổng.

Câu 96: Hiện tượng các cây thông nhựa liền rễ sinh trưởng nhanh hơn và có khả năng chịu hạn tốt hơn các cây sống riêng rẽ thể hiện mối quan hệ

- A. kí sinh. B. cạnh tranh cùng loài.
C. ức chế cảm nhiễm. D. hỗ trợ cùng loài.

Câu 97: Trong quá trình hô hấp ở thực vật, bào quan nào sau đây giải phóng ATP?

- A. Ribosome. B. Lục lạp. C. Trung thể. D. Ti thể.

Câu 98: Axit amin phenylalanin được mã hóa bởi các bộ ba UUU; UUX. Đây là đặc điểm nào của mã di truyền?

- A. Tính thoái hóa. B. Tính đặc hiệu. C. Tính đặc trưng. D. Tính phổ biến.

Câu 99: Cho 2 loài thực vật, loài thứ nhất có bộ nhiễm sắc thể $2n = 24$, loài thứ hai có bộ nhiễm sắc thể $2n = 26$. Bộ nhiễm sắc thể của thể song nhị bội được hình thành từ 2 loài thực vật trên có bao nhiêu cặp nhiễm sắc thể tương đồng?

- A. 25. B. 50. C. 13. D. 12.

Câu 100: Từ một cây hoa quý hiếm, bằng cách áp dụng kĩ thuật nào sau đây có thể nhanh chóng tạo ra nhiều cây có kiểu gen giống nhau và giống với cây hoa ban đầu?

- A. Nuôi cấy mô. B. Lai hữu tính.
C. Nuôi cấy hạt phấn. D. Nuôi cấy noãn chưa được thụ tinh.

Câu 101: Ở một loài động vật, xét 3 cặp gen nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể thường, mỗi gen quy định 1 tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Phép lai (P) gồm 2 cá thể đều dị hợp 3 cặp gen giao phối với nhau. F_1 thu được 8 loại kiểu hình theo tỉ lệ là 33: 11: 9: 3: 3: 3: 1: 1. Biết quá trình giảm phân diễn ra bình thường, hoán vị gen chỉ xảy ra ở giới cái. Theo lí thuyết, tỉ lệ cá thể dị hợp về 1 cặp gen trong số các cá thể trội 3 tính trạng ở F_1 là

- A. 8/27. B. 8/33. C. 7/33. D. 5/27.

Câu 102: Một cá thể có kiểu gen $\frac{AB}{ab}$ giảm phân có hoán vị gen với tần số 20%. Theo lí thuyết, tỉ lệ giao tử Ab là

- A. 10%. B. 20%. C. 40%. D. 30%.

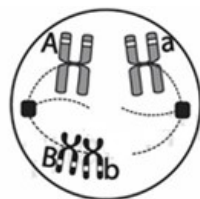
Câu 103: Trong giới hạn sinh thái, ở vị trí nào sau đây sinh vật phát triển tốt nhất?

- A. Điểm gây chết dưới. B. Khoảng cực thuận.
C. Điểm gây chết trên. D. Khoảng chống chịu.

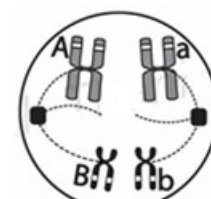
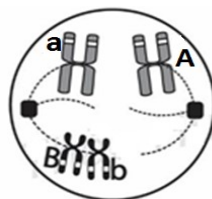
Câu 104: Ở một loài thực vật, alen A quy định hạt vàng trội hoàn toàn so với alen a quy định hạt xanh; alen B quy định hạt trơn trội hoàn toàn so với alen b quy định hạt nhăn. Theo lí thuyết, cơ thể có kiểu gen nào sau đây cho số loại giao tử khác so với các cơ thể còn lại?

- A. aaBb. B. AABb. C. AaBb. D. Aabb.

Câu 105: Ở một loài động vật, quan sát quá trình giảm phân ở cơ thể đực và cái đều có kiểu gen AaBb, người ta ghi nhận diễn biến nhiễm sắc thể ở kì sau của giảm phân I ở một số tế bào sinh dục được mô tả như hình sau:



Tế bào sinh dục đực



Tế bào sinh dục cái

Chú thích: A, a, B, b là kí hiệu của các gen nằm trên nhiễm sắc thể.

Ngoài các sự kiện được mô tả trong hình thì các sự kiện khác diễn ra bình thường. Cho lai hai cơ thể này với nhau thu được F₁. Số loại kiểu gen tối đa ở F₁ là

- A. 9. B. 27. C. 21. D. 18.

Câu 106: Ở sinh vật nhân sơ, một đột biến điểm xảy ra ở giữa vùng mã hóa của gen B làm cho triplet 3'AXX5' trên mạch làm khuôn bị thay đổi thành bộ ba 3'AXT5'. Theo lí thuyết, chuỗi pôlipeptit do gen đột biến này quy định sẽ

- A. không thay đổi so với chuỗi pôlipeptit do gen B quy định.
 B. dài hơn so với chuỗi pôlipeptit do gen B quy định.
 C. bị thay đổi một axit amin so với chuỗi pôlipeptit do gen B quy định.
 D. ngắn hơn so với chuỗi pôlipeptit do gen B quy định.

Câu 107: Một quần thể ngẫu phối có thành phần kiểu gen ở thế hệ (P) là 0,2AA: 0,8Aa. Theo lí thuyết, tần số kiểu gen Aa của quần thể này ở thế hệ F₁ là bao nhiêu?

- A. 24%. B. 48%. C. 40%. D. 32%.

Câu 108: Quần thể voi trong rừng mưa nhiệt đới thường có khoảng 25 con/quần thể, quần thể gà rừng khoảng 200 con/quần thể, quần thể cây hoa đỗ quỳên trên vùng núi Tam Đảo (Vĩnh Phúc) khoảng 150 cây/quần thể. Đây là những ví dụ về đặc trưng cơ bản nào của quần thể?

- A. Kích thước của quần thể. B. Mật độ cá thể của quần thể.
 C. Tăng trưởng của quần thể. D. Sự phân bố cá thể của quần thể.

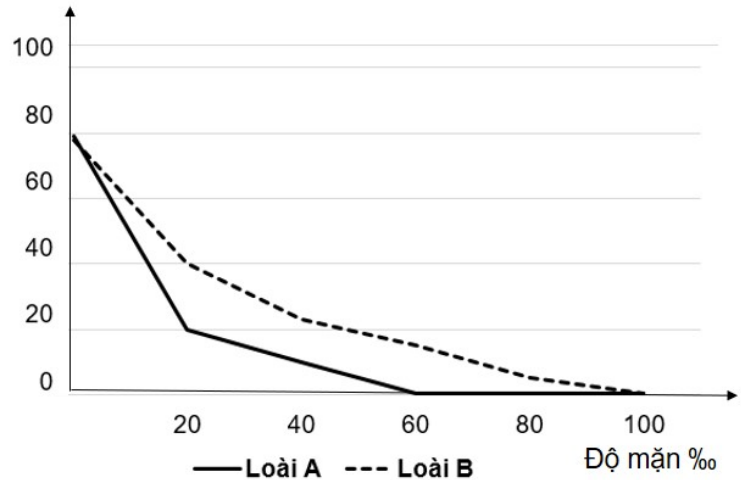
Câu 109: Khi nói về tuần hoàn máu ở người, nhận định nào sau đây **không** đúng?

- A. Máu đi ra từ tâm thất là máu giàu O₂.
 B. Hệ tuần hoàn có 2 vòng, tim có 4 ngăn.
 C. Tim có vai trò co bóp đẩy máu lưu thông trong hệ mạch.
 D. Máu chảy trong động mạch phổi là máu giàu CO₂.

Câu 110: Ở bí ngô, kiểu gen A-B- cho quả dẹt; A-bb hoặc aaB- cho quả tròn; aabb cho quả dài. Phép lai nào sau đây cho đời con có tỉ lệ kiểu hình là 3 dẹt : 4 tròn : 1 dài?

- A. AaBb x aaBb. B. AABb x aaBb. C. AABb x Aabb. D. AaBb x AaBB.

Câu 111: Những năm gần đây vùng Đồng bằng sông Cửu Long của nước ta thường xuyên bị nhiễm mặn do biến đổi khí hậu làm nước biển dâng. Nhằm tìm kiếm các loài thực vật phù hợp cho sản xuất, các nhà khoa học đã tiến hành các thử nghiệm trên 2 loài thực vật đầm lầy (loài A và loài B) ở vùng này. Để nghiên cứu ảnh hưởng của nước biển đến hai loài này, người ta trồng chúng trong các môi trường có độ mặn khác nhau (0 - 100‰). Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở hình bên.



Khi nói về hai loài này, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Loài B chịu mặn kém hơn loài A.
 II. Trong cùng một độ mặn, loài A có sinh khối cao hơn loài B.
 III. Trong tương lai, nước biển dâng, loài B sẽ trở nên phổ biến hơn loài A.
 IV. Cả 2 loài A và B đều sinh trưởng tốt trong điều kiện nước ngọt.

- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 112: Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về nhân tố tiến hóa?

- I. Nếu có sự di – nhập gen chắc chắn làm giảm tần số alen của quần thể.
 II. Nếu quần thể chịu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên có thể làm nghèo vốn gen của quần thể.
 III. Nếu quần thể chịu tác động của đột biến có thể làm xuất hiện alen mới.
 IV. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen làm biến đổi tần số alen của quần thể.

A. 1.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

Câu 113: Hình bên cho thấy tần số của 5 alen trong quần thể trải qua 10 thế hệ. Sự thay đổi của tần số alen được biểu thị bằng phần trăm tần số của 5 alen.

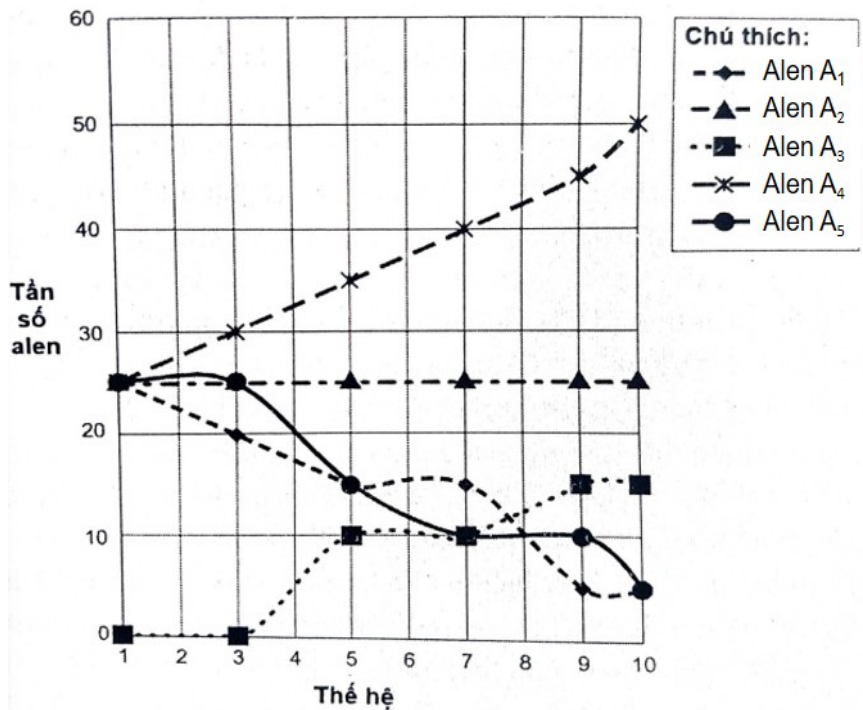
Trong số các phát biểu dưới đây, có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Ở mỗi thế hệ luôn có ít nhất 2 alen có tần số bằng nhau.

II. Sự đa dạng di truyền trong quần thể không thay đổi qua 10 thế hệ.

III. Sự xuất hiện của alen 3 sau thế hệ thứ ba có thể được giải thích bằng sự di – nhập gen.

IV. Chọn lọc tự nhiên đã chống lại alen A₄ sau 10 thế hệ.



A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 114: Vùng mã hóa của một gen ở vi khuẩn *E.coli* có trình tự nuclêôtit trên mạch bổ sung như sau:

5'ATG GXG XAA GAG XAG AAG XGT GGT AXG GGX TTG GAT AGX GAX...GGA XAG T AA 3'

Người ta tìm thấy 4 đột biến khác nhau xảy ra ở vùng mã hóa của gen này. Cụ thể như sau:

Đột biến 1: Nuclêôtit X tại vị trí 13 bị thay thế bởi T.

Đột biến 2: Nuclêôtit A tại vị trí 16 bị thay thế bởi T.

Đột biến 3: Nuclêôtit T tại vị trí 31 bị thay thế bởi A

Đột biến 4: Thêm 1 nuclêôtit loại T giữa vị trí 36 và 37.

Giả sử axit amin mở đầu không bị cắt khỏi chuỗi pôlipeptit. Khi nói về những đột biến gen ở trên, có bao nhiêu phân tích dưới đây đúng?

I. Đột biến 1 làm chuỗi pôlipeptit sau đột biến có 4 axit amin.

II. Đột biến 3 không làm thay đổi số lượng axit amin của chuỗi pôlipeptit.

III. Có một đột biến làm thay đổi một axit amin của chuỗi pôlipeptit.

IV. Có hai đột biến làm chuỗi pôlipeptit được tổng hợp bị ngắn lại.

A. 2.

B. 4.

C. 1.

D. 3.

Câu 115: Khi nói về cạnh tranh cùng loài, có bao nhiêu phát biểu sau đây sai?

I. Khi môi trường đồng nhất và cạnh tranh cùng loài diễn ra khốc liệt thì các cá thể phân bố một cách đồng đều trong khu vực sống của quần thể.

II. Cạnh tranh cùng loài giúp duy trì ổn định số lượng cá thể của quần thể, cân bằng với sức chứa của môi trường.

III. Về mặt sinh thái, sự phân bố các cá thể cùng loài một cách đồng đều trong môi trường có ý nghĩa giảm sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

IV. Trong cùng một quần thể, cạnh tranh diễn ra thường xuyên giữa các cá thể để tranh giành nhau về thức ăn, nơi sinh sản,...

A. 1.

B. 4.

C. 2.

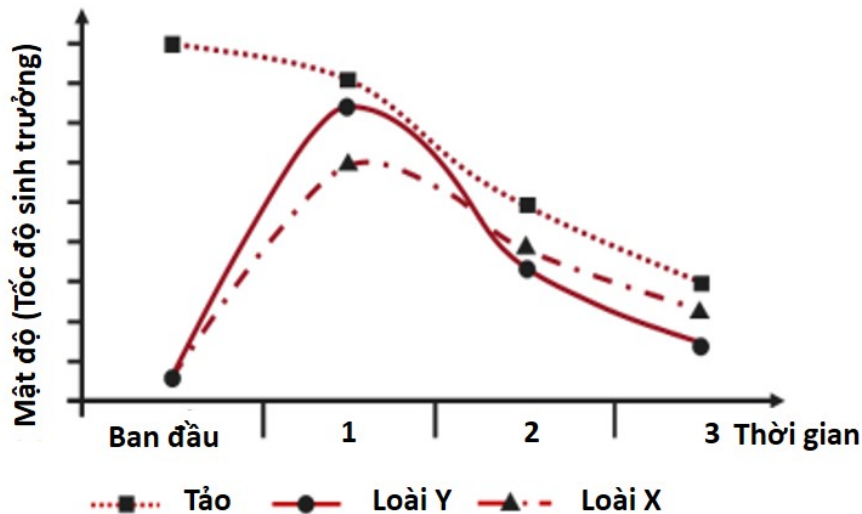
D. 3.

Câu 116: Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về ý nghĩa của quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể?

- I. Đảm bảo cho quần thể thích nghi tốt hơn với điều kiện môi trường.
- II. Giúp quần thể sinh vật duy trì mật độ phù hợp với sức chứa của môi trường.
- III. Tạo hiệu quả nhóm, giúp sinh vật khai thác tối ưu nguồn sống.
- IV. Loại bỏ các cá thể yếu, giữ lại các cá thể có đặc điểm thích nghi với môi trường.
- V. Tăng khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể trong quần thể.

- A. I; III; V. B. I; II; IV; V. C. II; III; IV. D. II; III; IV; V.

Câu 117: Ở 1 hệ sinh thái có 2 loài sên biển X và Y là 2 loài động vật cùng sử dụng tảo biển làm nguồn thức ăn chính nên chúng cạnh tranh nhau. Một thí nghiệm được tiến hành để tìm hiểu tác động của mật độ sên biển lên khả năng sinh trưởng của chúng và mật độ của loài tảo biển. Số liệu được trình bày như hình dưới đây.

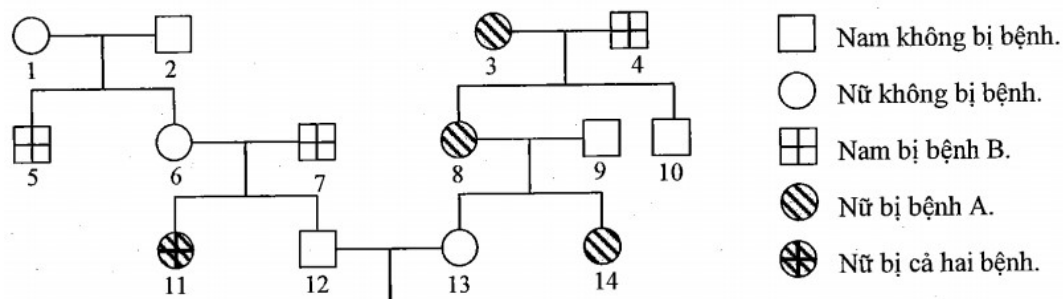


Biết rằng không có di cư, nhập cư. Khi nói về hệ sinh thái trên, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Ở khoảng thời gian 1, quần thể X có kích thước bé hơn quần thể Y.
- II. Ở khoảng thời gian 2, nếu tốc độ sinh sản của quần thể X bằng tốc độ sinh sản của quần thể Y thì tỉ lệ tử vong của quần thể Y cao hơn tỉ lệ tử vong của quần thể X.
- III. Ở khoảng thời gian 3, loài Y có ưu thế cạnh tranh cao hơn loài X.
- IV. Nếu quần thể loài tảo biển biến động số lượng thì sẽ kéo theo quần thể X và Y biến động số lượng.

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 118: Phả hệ ở hình dưới đây mô tả sự di truyền 2 bệnh ở người, mỗi bệnh đều do một gen có 2 alen quy định. Gen quy định bệnh B nằm ở vùng không tương đồng trên nhiễm sắc thể giới tính X. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- I. Xác định được kiểu gen của 7 người.
- II. Xác suất sinh con thứ 3 là con trai bị cả hai bệnh của cặp 8 - 9 là 12,5%.
- III. Xác suất sinh con thứ nhất chỉ bị bệnh B của cặp 12 - 13 là 5/48.
- IV. Xác suất sinh 2 con đều không bị bệnh của cặp 12 - 13 là 5/128.

- A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 119: Hình bên là kết quả thu được trong một chương trình nghiên cứu ảnh hưởng của việc phá rừng đến lượng khoáng (Canxi, Kali và Nito) thất thoát hàng năm tại hai khu vực của thí nghiệm. Lô thí nghiệm 1 là lô đối chứng không có bất kì can thiệp phá rừng nào. Lô thí nghiệm 2 là rừng (1 – 60 năm tuổi) bị chặt (biểu diễn bằng mũi tên) và đã sử dụng thuốc diệt cỏ để ngăn cản sự phát triển của thảm thực vật trong khoảng 3 năm tiếp theo. Sau thời gian này, thuốc diệt cỏ không còn được sử dụng nữa, cho phép thảm thực vật phát triển tự nhiên (diễn thế giai đoạn 3). Trong số các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Sau khi ngăn chặn sử dụng thuốc diệt cỏ, diễn thế nguyên sinh diễn ra.

II. Sau khi sử dụng thuốc diệt cỏ để ngăn cản sự phát triển của thảm thực vật, có sự gia tăng rõ rệt việc rửa trôi các chất dinh dưỡng ra khỏi hệ thống, làm cạn kiệt dần các chất dinh dưỡng này.

III. Trong khoảng thời gian 3 năm có sự ngăn cản thảm thực vật phát triển, đã có sự gia tăng đáng kể sự thoát hơi nước ở thực vật và xói mòn đất.

IV. Thí nghiệm này cho thấy diễn thế có thể làm giảm sự mất chất dinh dưỡng tạo ra do phục hồi.

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 120: Ở một loài động vật có vú, cho cá thể đực lông trắng giao phối với cá thể cái lông vàng được F₁ đồng loạt lông vàng. Tiếp tục cho F₁ giao phối ngẫu nhiên với nhau, F₂ thu được tỉ lệ kiểu hình như sau:

- Ở giới đực: 5 cá thể lông trắng : 3 cá thể lông vàng.

- Ở giới cái: 3 cá thể lông vàng : 1 cá thể lông trắng.

Biết rằng không có gen gây chết, không có đột biến, tỉ lệ đực : cái là 1 : 1. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

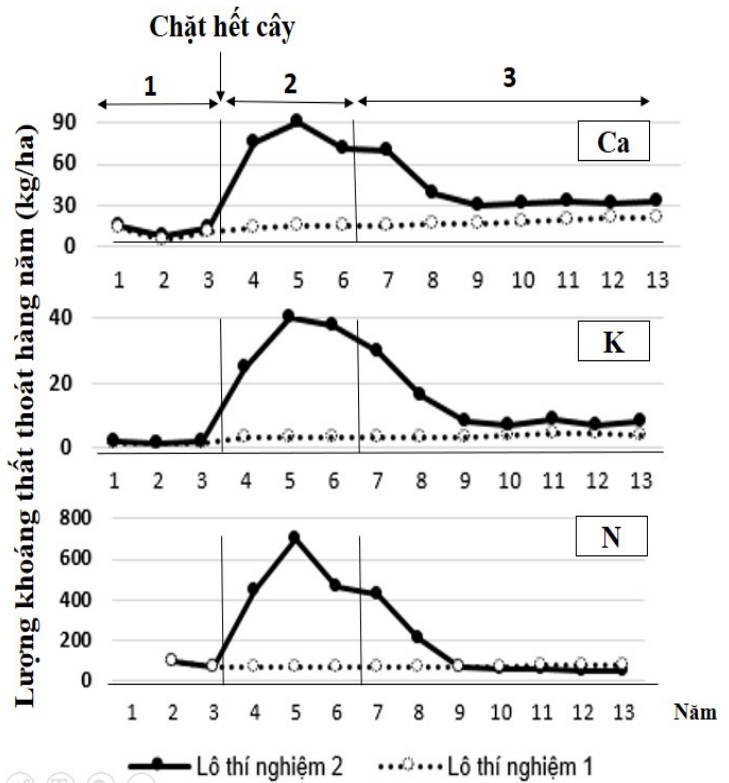
I. Tính trạng màu lông do 1 cặp gen chi phối và bị ảnh hưởng bởi giới tính.

II. Kiểu hình mắt trắng có nhiều loại kiểu gen nhất.

III. Nếu cho các con lông vàng F₂ giao phối ngẫu nhiên với nhau thì tỉ lệ cái lông vàng thuần chủng ở F₃ là 1/6.

IV. Nếu cho con đực F₁ lai phân tích thì tất cả con đực ở đời con thu được đều lông trắng.

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.



----- HẾT -----

ĐÁP ÁN BÀI THI MÔN SINH HỌC

(Đáp án có 02 trang)

Câu	MÃ ĐỀ											
	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212
81	C	B	C	A	B	B	B	D	C	A	D	D
82	B	B	C	A	C	A	D	C	D	A	A	D
83	C	D	A	B	D	D	A	A	B	C	C	D
84	D	D	A	C	C	B	C	A	C	B	D	C
85	C	A	C	A	D	A	C	A	C	A	B	B
86	D	A	C	C	D	C	A	B	B	C	C	D
87	C	A	B	C	A	A	C	C	C	D	A	C
88	B	A	B	A	B	C	B	D	A	D	D	C
89	D	C	B	B	B	A	A	C	A	A	D	C
90	B	C	D	A	A	D	A	B	D	D	D	D
91	B	A	B	B	B	D	D	C	B	C	D	D
92	B	B	A	D	C	B	B	B	A	B	C	D
93	A	D	A	A	A	C	D	C	D	B	A	B
94	C	A	D	C	A	D	A	D	B	C	B	B
95	D	C	D	D	C	B	C	B	D	B	D	A
96	D	C	B	B	C	C	B	C	B	B	C	C
97	D	C	A	C	A	D	D	B	C	A	C	C
98	A	C	D	D	D	C	C	B	D	A	C	D
99	A	C	B	C	C	C	A	A	A	B	C	C
100	A	B	D	D	C	D	D	D	C	C	C	B
101	B	C	A	D	C	D	C	D	C	C	D	A
102	A	B	B	B	A	B	D	A	D	C	A	A
103	B	C	A	D	B	A	D	C	D	D	A	D
104	C	B	C	C	A	A	A	D	D	A	A	A
105	C	D	D	C	A	D	B	C	C	D	D	B
106	D	A	C	B	B	A	B	B	A	C	B	A
107	B	B	B	B	D	B	A	C	A	B	A	B
108	A	B	A	D	A	D	D	B	B	D	C	A
109	A	D	B	D	B	A	C	A	B	A	B	C
110	A	B	D	A	D	C	B	A	C	B	D	B
111	B	C	C	C	A	B	C	D	A	B	B	C
112	C	D	A	C	B	C	D	B	A	C	B	A
113	D	D	C	A	C	A	C	A	D	B	B	C
114	D	D	D	B	C	A	D	D	B	B	B	D
115	A	C	A	A	D	B	B	A	B	D	B	A
116	A	A	B	D	B	B	C	C	B	A	A	B
117	C	D	B	C	D	C	C	B	B	D	B	A
118	B	A	D	B	C	B	B	D	A	C	A	A
119	C	D	D	D	D	B	A	B	A	D	B	B
120	A	B	C	B	B	D	A	D	C	D	A	C

Câu	MÃ ĐỀ											
	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224
81	A	D	C	A	A	D	C	A	D	D	D	C
82	A	D	A	A	C	B	A	D	B	D	D	A
83	A	C	C	A	C	D	B	C	B	A	B	A
84	D	C	B	C	B	B	C	C	D	C	C	D

85	C	A	C	A	B	C	A	C	C	B	A	A
86	D	D	C	C	D	B	D	C	D	A	C	B
87	A	A	D	D	A	B	C	D	A	A	B	B
88	C	A	A	B	C	C	C	C	D	C	C	B
89	A	C	D	A	D	A	D	A	A	A	B	D
90	A	D	A	C	C	D	A	A	A	B	C	D
91	C	A	B	A	A	C	C	B	A	C	B	C
92	C	B	C	D	A	B	A	C	B	B	C	A
93	C	C	B	C	C	A	B	A	D	D	B	B
94	C	B	B	B	D	B	D	D	C	B	A	D
95	B	A	B	D	C	C	C	D	B	C	B	A
96	D	B	D	D	D	C	D	C	A	A	D	C
97	A	B	A	C	D	C	A	A	C	D	D	C
98	B	C	A	C	A	C	D	A	B	D	D	C
99	C	C	C	D	C	B	B	B	C	C	C	C
100	B	A	A	B	A	A	B	D	C	C	A	D
101	B	B	D	A	D	A	A	B	C	D	A	C
102	A	D	B	D	B	A	C	D	C	A	A	C
103	D	C	D	C	C	B	D	D	C	C	C	C
104	D	B	A	A	A	A	A	C	D	B	A	A
105	D	B	D	D	A	D	B	B	B	A	A	A
106	D	B	B	D	D	D	D	A	B	D	C	B
107	D	A	A	C	C	D	D	A	A	C	B	B
108	C	A	D	C	B	D	C	D	B	B	B	D
109	B	C	C	D	B	C	D	B	D	A	A	B
110	B	D	D	B	D	A	B	A	C	D	D	B
111	B	B	B	B	D	A	A	D	C	B	B	B
112	D	D	C	D	C	D	B	C	B	A	C	D
113	B	D	D	A	A	C	C	D	A	B	A	B
114	C	C	C	A	B	C	B	B	A	C	C	C
115	C	C	A	A	B	B	B	B	A	C	D	D
116	A	A	B	B	B	B	D	A	D	C	A	D
117	B	C	B	C	A	D	C	B	D	B	D	D
118	B	D	D	B	B	D	A	C	B	D	A	D
119	A	D	D	B	D	D	C	B	C	D	B	A
120	B	A	A	B	C	A	B	C	D	A	D	A